TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/10/2021
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Nguyễn Ngọc Chẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 121/2021/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1984. Nơi đăng ký thường trú: Thôn HL, xã XC, thị xã SC, tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú hiện nay: Thôn TV, xã HK, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn HL, xã XC, thị xã SC, tỉnh Phú Yên. Văng mặt (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Sông Cầu. *Người đại diện theo văn bản ủy quyền:* Ông Nguyễn Tấn Hải - Phó Giám đốc Phòng Giao dịch. Vắng mặt (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn ly hôn, bản tự khai bổ sung, phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết H trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Trần Thanh H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Xuân Cảnh. Quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H1 uống rượu bia say xỉn đánh bà H, việc này lập lại nhiều lần kéo dài trong nhiều năm, vì thương con nên bà H nhẫn nhịn sống chung. Hiện nay, bà H không thể chịu đựng được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không hàn gắn

được, bà H phải về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không còn sống chung gần một năm nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 07/12/2016. Bà H đồng ý giao con chung cho ông H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Vợ chồng có vay và còn nợ Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Sông Cầu số tiền 62.000.000 đồng. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi nợ chung, mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ, tương ứng số tiền 31.000.000 đồng cho Ngân hàng khi đến hạn.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2021 và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/9/2021, bị đơn Trần Thanh H1 trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: Ông H1 và bà H tự nguyện kết hôn năm 2016. Quá trình sống chung không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, bà H bỏ nhà đi giao con cho ông H1 nuôi. Ông H1 không đồng ý ly hôn với bà H vì tình cảm vợ chồng vẫn còn; bà H bỏ ông H1 chứ ông H1 không bỏ bà H.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 07/12/2016. Ông H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Có vay và nợ Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Sông Cầu số tiền 62.000.000đ. Yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số nợ, mỗi người trả 31.000.000đ.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Sông Cầu trình bày:* Vợ chồng Nguyễn Thị Tuyết H và Trần Thanh H1 có vay của Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Sông Cầu 02 khoản vay với số tiền 62.000.000đ. Cụ thể:

+ Khoản vay 1: Ngày 13/6/2017, khoản vay xây dựng nhà vệ sinh và công trình nước sạch, số tiền vay 12.000.000đ. Chốt nợ đến ngày 17/9/2021, dư nợ trong hạn là 11.000.000đ. Lãi suất cho vay 0,75%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn; đáo hạn ngày 13/6/2022.

+ Khoản vay 2: Ngày 13/5/2020, khoản vay cho hộ cận nghèo, mục đích vay nuôi tôm hùm, số tiền vay 50.000.000đ. Chốt nợ đến ngày 17/9/2021, dư nợ trong hạn là 50.000.000đ. Lãi suất cho vay 7,920%/năm, lãi suất quá hạn 10,296%/năm; đáo hạn ngày 13/4/2022.

Yêu cầu vợ chồng Hải, Hoa phải có trách nhiệm trả nợ trước khi ly hôn.

**** Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của BLTTDS. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 27, 37, 51, 56, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Nguyễn Thị

Tuyết H ly hôn ông Trần Thanh H1. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 07/12/2016 cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không xem xét. Về nợ chung: Buộc bà H, ông H1 mỗi người phải trả ½ số nợ cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Sông Cầu khi đến hạn. Buộc các bên phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp ly hôn, giải quyết con chung, nợ chung khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Trần Thanh H1 tự nguyện kết hôn, được UBND xã Xuân Cảnh, thị xã sông Cầu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 29/3/2016, là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H trình bày, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được, tình cảm không còn, nguyên nhân là do ông H1 thường xuyên đánh bà H, sự việc kéo dài trong nhiều năm. Ông H1 không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm với bà H nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên tòa, bà H cương quyết ly hôn; còn ông H1 chỉ làm bản trình bày nêu ý kiến còn tình cảm vợ chồng mà không đến Tòa án làm việc, không có hành động cụ thể để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng mà các bên đương sự không có thiện chí muốn hoàn giải đoàn tụ. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà H ly hôn ông H1.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 07/12/2016, hiện nay đang do ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên thống nhất giao cháu Trân cho ông H1 nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung: Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự thì trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông H1 có vay của Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Sông Cầu 02 khoản vay:

+ Khoản vay 1: Ngày 13/6/2017, khoản vay xây dựng nhà vệ sinh và công trình nước sạch, số tiền vay 12.000.000đ. Căn cứ Giấy chốt nợ đến ngày 17/9/2021, dư nợ trong hạn là 11.000.000đ, đáo hạn ngày 13/6/2022.

+ Khoản vay 2: Ngày 13/5/2020, khoản vay cho hộ cận nghèo, mục đích vay nuôi tôm hùm, số tiền vay 50.000.000đ. Căn cứ Giấy chốt nợ đến ngày 17/9/2021, dư nợ trong hạn là 50.000.000đ, đáo hạn ngày 13/4/2022.

Căn cứ vào hồ sơ tín dụng Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Sông Cầu cung cấp thì hiện nay ông H1, bà H còn nợ Ngân hàng 61.000.000đ theo 02 khoản vay nêu trên và đều chưa đến hạn thanh toán, chưa có vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, nợ chung của vợ chồng cần xác định là mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số nợ cho Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Sông Cầu khi đến hạn thanh toán. Cụ thể như sau:

+ Khoản vay ngày 09/6/2017, số tiền vay còn nợ 11.000.000đ, đáo hạn ngày 13/6/2022, bà H, ông H1 mỗi người phải trả 5.500.000đ khi đến hạn thanh toán. Bà H, ông H1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng trên phần nghĩa vụ nợ gốc phải thực hiện.

+ Khoản vay ngày 01/4/2020, số tiền vay còn nợ 50.000.000đ, đáo hạn ngày 13/4/2022, bà H, ông H1 mỗi người phải trả 25.000.000đ khi đến hạn thanh toán. Bà H, ông H1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng trên phần nghĩa vụ nợ gốc phải thực hiện.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Trần Thanh H1 mỗi người phải nộp án phí dân sự có giá ngạch trên giá trị tài sản còn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng, cụ thể mỗi người phải nộp số tiền án phí là: 30.500.000đ x 5% = 1.525.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các điều 37, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

+ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, cho bà Nguyễn Thị Tuyết H ly hôn ông Trần Thanh H1.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 07/12/2016, cho ông Trần Thanh H1 trực tiếp nuôi dưỡng; bà Nguyễn Thị Tuyết H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không giải quyết.

[4] Về nợ chung:

+ Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Trần Thanh H1, mỗi người phải trả ½ khoản nợ vay 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), tương ứng số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) cho Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Sông Cầu khi đến hạn thanh toán (món nợ theo Giấy đề nghị vay vốn

kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 09/6/2017). Bà H, ông H1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng trên phần nghĩa vụ nợ gốc phải thực hiện.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Trần Thanh H1, mỗi người phải trả ½ khoản nợ vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tương ứng số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) cho Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Sông Cầu khi đến hạn thanh toán (món nợ theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 27/4/2020). Bà H, ông H1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng trên phần nghĩa vụ nợ gốc phải thực hiện.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền số 0005324 ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu.

Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Trần Thanh H1 mỗi người phải nộp 1.525.000đ (Một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- UBND nơi cấp giấy đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thơ Hiền